

RESIDENTS' KNOWLEDGE ON HOUSEHOLD WASTE COLLECTION AND TREATMENT IN TWO COMMUNES OF VU THU DISTRICT, THAI BINH PROVINCE, 2024

Dang Thi Van Quy, Le Thi Lan Phuong, Dang Thi Bich Hop, Tran Thi Phuong

Thai Binh University of Medicine and Pharmacy - No. 373 Ly Bon Street, Tran Lam Ward, Hung Yen Province

Received 20/08/2025

Revised 13/09/2025; Accepted 25/09/2025

ABSTRACT

Objectives: To assess the knowledge of individuals involved in the collection and treatment of household waste in two communes of Vu Thu District, Thai Binh Province in 2024.

Research subjects and methods: A cross-sectional study involving household heads or members aged 18 and above..

Results: Knowledge regarding the necessity of waste collection and treatment: A majority of respondents acknowledged the importance of waste management, with 47.1% considering it *very necessary*, 52.2% *necessary*, 0.5% *unnecessary*, and 0.2% providing *no response*. Public knowledge of waste treatment methods: Regarding waste disposal practices, 64.9% of participants reported *burning waste themselves*, 46.4% *burying it*, 45.4% *composting*, and 58.7% *recycling*. Public awareness of the health impacts of waste: In terms of perceived health risks associated with waste, 51.4% of respondents believed it causes *digestive diseases*, 30.0% indicated *respiratory diseases*, 15.6% cited *skin conditions*, while 2.9% believed waste *has no health impact*.

Conclusion: The public possesses knowledge regarding waste collection and treatment. Additionally, they are aware of the health impacts associated with waste

Keywords: Waste, waste collection, Vu Thu district.

*Corresponding author

Email: vanquyytb@gmail.com Phone: (+84) 912105287 <https://doi.org/10.52163/yhc.v66iCD15.3296>



Kiến thức của người dân về thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt tại hai xã huyện Vũ Thư tỉnh Thái Bình năm 2024

Đặng Thị Vân Quý, Lê Thị Lan Phương, Đặng Thị Bích Hợp, Trần Thị Phương

Trường đại học Y Dược Thái Bình - Số 373 phố Lý Bôn phường Trần Lãm Tỉnh Hưng Yên

Ngày nhận bài: 20/08/2025

Ngày chỉnh sửa: 13/09/2025; Ngày duyệt đăng: 25/09/2025

TÓM TẮT

Mục tiêu: Đánh giá kiến thức của người thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt tại hai xã huyện Vũ Thư tỉnh Thái Bình năm 2024.

Đối tượng và phương pháp nghiên cứu: Thiết kế nghiên cứu cắt ngang với các chủ hộ gia đình hoặc thành viên từ 18 tuổi trở lên.

Kết quả nghiên cứu: Kiến thức về sự cần thiết thu gom và xử lý rác thải: 47.1% rất cần thiết; 52.2% cần thiết; 0.5% không cần thiết và 0.2% không trả lời. Kiến thức của người dân về các phương pháp xử lý rác thải: 64.9% tự đốt; 46.4% tự chôn; 45.4% ủ phân; 58.7% tái chế. Kiến thức của người dân về ảnh hưởng của chất thải tới sức khỏe: 51.4% người dân cho là rác thải gây các bệnh về đường tiêu hóa; 30.0% gây các bệnh về đường hô hấp; 15.6% gây các bệnh về da và 2,9% không ảnh hưởng

Kết luận: Người dân có kiến thức về thu gom và xử lý rác thải. Kiến thức của người dân về ảnh hưởng của chất thải tới sức khỏe.

Từ khóa: Rác thải, thu gom rác, huyện Vũ Thư.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Xử lý rác thải là một trong những vấn đề được quan tâm không chỉ ở phạm vi một quốc gia, một khu vực mà đang là vấn đề được quan tâm trên phạm vi toàn cầu bởi tầm quan trọng của nó với sức khỏe con người [2]. Ở nhiều vùng xử lý rác thải chưa đảm bảo và chưa hợp vệ sinh gây ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến sức khỏe người dân. Đó là một trong những nguyên nhân gây ra các bệnh truyền nhiễm do các trung gian truyền bệnh như: chuột truyền bệnh dịch hạch, bệnh sốt xuất huyết Dengue, bệnh sốt rét, các bệnh đường tiêu hóa... Tỉnh Thái Bình cũng là một tỉnh đang phát triển mạnh mẽ về kinh tế xã hội, nhu cầu đời sống người dân ngày càng tăng lên. Dẫn đến lượng rác thải hằng ngày theo đó cũng tăng lên làm ảnh hưởng và suy giảm đi chất lượng của môi trường. Chúng tôi tiến hành nghiên cứu “**Kiến thức của người dân về thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt tại hai xã huyện Vũ Thư tỉnh Thái Bình**” với mục tiêu: Đánh giá kiến thức của người thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt tại hai xã huyện Vũ Thư tỉnh Thái Bình.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng, địa điểm và thời gian nghiên cứu

* Đối tượng: Chủ hộ gia đình hoặc thành viên từ 18 tuổi trở lên

* Tiêu chuẩn lựa chọn

- Có thời gian sống tại địa bàn nghiên cứu ít nhất 12 tháng tính đến thời điểm nghiên cứu.

- Đồng ý tham gia nghiên cứu

* Địa điểm: Xã Minh Khai và Song Lãng huyện Vũ Thư tỉnh Thái Bình

* Thời gian nghiên cứu: tháng 10/2023 đến tháng 4 năm 2024

2.2. Phương pháp nghiên cứu

* Thiết kế nghiên cứu: nghiên cứu dịch tễ học mô tả với cuộc điều tra cắt ngang.

* Cỡ mẫu và chọn mẫu

$$n = Z_{(1-\alpha/2)}^2 \times \frac{p \times (1 - p)}{e^2}$$

*Tác giả liên hệ

Email: vanquyytb@gmail.com Điện thoại: (+84) 912105287 <https://doi.org/10.52163/yhc.v66iCD15.3296>

- n: Là cỡ mẫu tối thiểu cần thiết

- Z: là độ tin cậy lấy ở ngưỡng xác suất $\alpha = 0,05$, tra bảng ta được $Z_{(1-\alpha/2)} = 1,96$

- p: là tỷ lệ điều dưỡng có kiến thức đúng về dự phòng THNN nghiên cứu trước là 0,5 [35].

- e: Sai số trong nghiên cứu này lấy bằng 0,05.

Tính toán được cỡ mẫu: $n = 387$, thực tế chúng tôi đã điều tra được cỡ mẫu 416 tại 2 xã.

* Chọn mẫu: Chọn xã: Chọn chủ định 2 xã có dân số và đặc điểm kinh tế là tương đương nhau.

Chọn thôn: Chọn tất cả các thôn đưa vào nghiên cứu.

Chọn hộ HGD: Tại các thôn chọn ngẫu nhiên hộ gia đình để tiến hành nghiên cứu. Sử dụng phương pháp cổng liền cổng để chọn HGD điều tra cho đến khi đủ cỡ mẫu.

Chọn đối tượng điều tra: Tại mỗi HGD được chọn, phỏng vấn chủ HGD hoặc một người đại diện cho HGD có độ tuổi từ 18 tuổi trở lên có khả năng trả lời phỏng vấn của ĐTV theo bộ phiếu đã được thiết kế sẵn.

* Nội dung/chỉ số nghiên cứu bao gồm Các biến kiến thức về thu gom và xử lý rác thải

* Phương pháp xử lý số liệu: Số liệu định lượng được nhập, quản lý và phân tích bằng phần mềm EPI-DATA và SPSS 20.0. Các phân tích mô tả được sử dụng để mô tả tỷ lệ kiến thức, thái độ và thực hành dự phòng một số yếu tố tác hại nghề nghiệp ở điều dưỡng viên,

2.3. Đạo đức nghiên cứu

Các đối tượng tham gia vào nghiên cứu được giải thích rõ ràng về mục đích của nghiên cứu và tự nguyện tham gia vào nghiên cứu.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Trình độ học vấn của đối tượng nghiên cứu

Địa điểm Trình độ học vấn	Song Lãng (n=204)		Minh Khai (n=212)		Chung (n=416)	
	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)
Trình độ học vấn						
Không biết chữ	11	5,4	11	5,2	22	5,3
Tiểu học	34	16,7	52	24,5	86	20,7
Trung học cơ sở	90	44,1	81	38,2	171	41,1
Trung học phổ thông	47	23,0	45	21,2	92	22,1
Trung cấp trở lên	22	10,8	23	10,9	45	10,8

Địa điểm Trình độ học vấn	Song Lãng (n=204)		Minh Khai (n=212)		Chung (n=416)	
	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)
Nghề nghiệp						
Làm ruộng	93	45,6	96	45,3	189	45,4
Công chức, viên chức	27	13,2	22	10,4	49	11,8
Buôn bán	38	18,6	31	14,6	69	16,6
Công nhân	20	9,8	31	14,6	51	12,3
Lao động tự do	26	12,8	32	15,1	58	13,9

Trình độ học vấn của người dân trên 2 xã Song Lãng và Minh Khai: không biết chữ 5,3%; tiểu học 20,7%; THCS 41,1%; THPT 22,1%; Trung cấp trở lên là 10,8%

Khảo sát về nghề nghiệp của người tham gia: Làm ruộng chiếm nhiều nhất 45,4%; công chức, viên chức là 11,8%; buôn bán 16,6%; công nhân 12,3%; lao động tự do 13,2% và các nghề khác là 0,7%

3.2. Kiến thức của người dân về nguồn gốc của rác thải sinh hoạt

Địa điểm Nội dung	Song Lãng (n=204)		Minh Khai (n=212)		Chung (n=416)	
	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)
Rác được sinh ra do mọi hoạt động của con người	184	90,2	186	87,7	370	88,9
Rác thải được thải ra trong sinh hoạt hằng ngày của gia đình	143	70,1	119	56,1	262	63,0
Rác thải sinh ra từ các hoạt động giao thông, xây dựng, khai thác khoáng sản	22	10,8	19	9,0	41	9,9
Rác thải được thải ra từ các quán ăn, nhà hàng, khách sạn	25	12,3	19	9,0	44	10,6

Kết quả bảng trên cho biết kiến thức về rác thải sinh hoạt của người dân: 88,9% đồng ý rằng rác được sinh ra do mọi hoạt động của con người, rác thải được thải ra trong sinh hoạt hằng ngày của gia đình được

63,0% người hưởng ứng, rác thải sinh ra từ các hoạt động giao thông, xây dựng, khai thác khoáng sản 9,9%; rác thải được thải ra từ các quán ăn, nhà hàng, khách sạn 10,6%.

3.3. Kiến thức của người dân về các phương pháp xử lý rác thải

Địa điểm Phương pháp xử lý	Song Lãng (n=204)		Minh Khai (n=212)		Chung (n=416)	
	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)
Tự đốt	117	57,4	153	72,2	270	64,9
Tự chôn	103	50,5	90	42,5	193	46,4
Ủ phân	106	52,0	83	39,2	189	45,4
Tái chế	138	67,7	106	50,0	244	58,7

Kết quả bảng cho thấy tại 2 xã tỷ lệ người dân biết đến phương pháp tự đốt là 64,9% trong đó Song Lãng chiếm 57,4%, Minh Khai chiếm 72,2%. Tái chế chiếm 58,7%, tự chôn là 46,4%, ủ phân là 45,4%. Có thể thấy rằng ở cả 2 xã tỷ lệ người dân biết đến các phương pháp gần ngang nhau.

3.4. Kiến thức của người dân về ảnh hưởng rác thải tới sức khỏe

Địa điểm Ảnh hưởng rác thải tới sức khỏe	Song Lãng (n=204)		Minh Khai (n=212)		Chung (n=416)	
	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)
Không ảnh hưởng	5	2,5	7	3,3	12	2,9
Gây các bệnh về đường tiêu hóa	100	49,0	114	53,8	214	51,4
Gây ra các bệnh về đường hô hấp	56	27,5	69	32,6	125	30,0
Gây ra các bệnh về da	43	21,1	22	10,4	65	15,6

Ở cả 2 xã tỷ lệ người dân cho là chất thải gây ra các bệnh về đường tiêu hóa là cao nhất 51,4%. Trong đó xã Song Lãng chiếm 49% và xã Minh Khai chiếm 53,8%. Sau đó là các bệnh về đường hô hấp với tỷ lệ là 30%, các bệnh về da là 15,6%. Bên cạnh đó vẫn có một số ít người dân cho là rác thải không ảnh hưởng tới sức khỏe chiếm 2,9%.

3.5. Kiến thức của người dân về ảnh hưởng của rác thải tới môi trường

Địa điểm Ảnh hưởng rác thải tới môi trường	Song Lãng (n=204)		Minh Khai (n=212)		Chung (n=416)	
	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)
Ô nhiễm môi trường	136	66,7	152	71,7	288	69,2
Ảnh hưởng mỹ quan	64	31,4	55	25,9	119	28,6
Không ảnh hưởng gì	4	2,0	5	2,4	9	2,2

Kết quả sau khi điều tra 416 hộ gia đình trên địa bàn 2 xã của huyện Vũ Thư về ảnh hưởng của chất thải tới môi trường cho thấy 288 hộ ứng với 69,2% cho rằng chất thải làm ô nhiễm môi trường. Trong đó Song Lãng chiếm 66,7% và Minh Khai chiếm 71,7%. 119 hộ chiếm 28,6% cho là chất thải ảnh hưởng tới mỹ quan. Ngoài ra có 9 hộ dân tương ứng với 2,2% cho rằng chất thải không có ảnh hưởng gì.

3.6. Kiến thức của người dân về nơi thu gom rác thải được cho là hợp vệ sinh

Tỉ lệ (%) Ý kiến người dân	Song Lãng (n=204)		Minh Khai (n=212)		Chung (n=416)	
	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)
Thùng rác có nắp đậy	159	77.9	169	79.7	328	78.8
Thùng rác không có nắp đậy	4	2.0	3	1.4	7	1.7
Túi nilon	21	10.3	24	11.3	45	10.8
Bao	20	9.8	16	7.6	36	8.7

Kết quả bảng trên cho biết kiến thức của người dân về nơi thu gom rác thải được cho là hợp vệ sinh: 78,8% người dân đổ vào thùng rác có nắp đậy, 10,8% người dân đổ vào túi nilon, 8,7% đổ vào bao, 1,7% người dân đổ vào thùng rác không có nắp đậy và không có ai đổ ra góc vườn.

4. BÀN LUẬN

Nghiên cứu của chúng tôi được thực hiện trên 2 xã Song Lãng và Minh Khai với trình độ học vấn của người dân chủ yếu là THCS với tỷ lệ 41,1%; trung học phổ thông là 22,1%; tiểu học là 20,7%; trung

cấp trở lên là 10,8%; tỉ lệ người không biết chữ là 5,3%. Đây là một trong những khó khăn cho việc tiếp cận với kiến thức về vấn đề thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt của người dân. Trước đây, việc thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt chủ yếu là không phân loại và thu thành đồng rồi xử lý tại gia đình nên thường xuất hiện những khu vực tồn đọng rác và những khu vực bị ô nhiễm do rác thải sinh hoạt. Từ đó phát sinh ra những dịch bệnh nguy hiểm cho sức khỏe con người. Những năm trở lại đây, huyện Vũ Thư đẩy mạnh việc thu gom xử lý rác thải sinh hoạt nhằm mang đến môi trường sống tốt hơn và cải thiện mỹ quan cho huyện. Để duy trì và thành công hơn nữa về tỷ lệ xử lý rác thải sinh hoạt hợp vệ sinh, cần phải đẩy mạnh tuyên truyền và nâng cao nhận thức đặc biệt là truyền thông nhằm nâng cao ý thức và nhận biết của người dân về vấn đề thu gom và xử lý rác thải đúng cách.

Nhận thức và hành vi là hai khái niệm luôn đi song hành cùng với nhau. Trong bất cứ hoạt động sống nào của con người nếu muốn thay đổi hành vi, thói quen thì bắt buộc phải thay đổi nhận thức của con người trước. Đối với hoạt động phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn cũng đòi hỏi sự tuân theo mô típ đó. Bảng 3 cho thấy mức độ hiểu biết của người dân câu 2 xã Song Lãng và xã Minh Khai về rác thải sinh hoạt. Cụ thể 88,9% người dân đồng ý rác thải sinh ra do mọi hoạt động của con người; 63,0% người dân đồng ý rác thải được thải ra trong sinh hoạt hằng ngày của gia đình; 9,9% người dân đồng ý rác thải sinh ra từ các hoạt động giao thông, xây dựng, khai thác khoáng sản và 10,6% đồng ý rác thải được thải ra từ các quán ăn, nhà hàng, khách sạn. Qua khảo sát tại 2 xã, kiến thức của người dân về rác thải sinh hoạt còn nhiều bất cập. Hầu hết mọi người đều ý thức được rác thải được sinh ra do mọi hoạt động của con người và rác thải được sinh ra trong mọi hoạt động của gia đình. Nhưng rác thải tại những nơi đông người như các hoạt động giao thông, xây dựng, khai thác khoáng sản, rác thải từ các quán ăn, nhà hàng, khách sạn không được người dân để ý. Đó là các rác thải rắn, nhựa hay cả thức ăn thừa,... cần được phân loại và thu gom đúng cách. Việc đẩy mạnh hiểu biết cho người dân về các rác thải đó cần được triển khai và thực hiện ngay nhằm đảm bảo thu gom và xử lý đúng cách. Theo điều tra của chúng tôi thì người dân biết đến phương pháp tự đốt là nhiều nhất với tỷ lệ cao là 64,9%, đặc biệt là xã Minh Khai với 72,2%. Có thể thấy rằng ở vùng nông thôn thì người dân lựa chọn phương pháp tự đốt vì chi phí thấp, dễ dàng xử lý, không cần máy móc hiện đại. Bên cạnh đó thì tỷ lệ mọi người biết đến tái chế rác cũng khá cao 58,7%. Qua đó có thể thấy người dân ở 2 xã có ý thức cao trong việc tái chế rác thải để chúng trở nên có ích, giảm thiểu lượng rác thải tồn đọng. Hiện nay Việt Nam mỗi ngày phát sinh khoảng 84.000 tấn rác thải sinh hoạt bao gồm cả các chất thải rắn nguy hại tương ứng với hơn 30,66 triệu tấn/năm [35].

5. KẾT LUẬN

- Kiến thức về sự cần thiết thu gom và xử lý rác thải: 47.1% rất cần thiết; 52.2% cần thiết; 0.5% không cần thiết và 0.2% không trả lời
- Kiến thức của người dân về các phương pháp xử lý rác thải: 64.9% tự đốt; 46.4% tự chôn; 45.4% ủ phân; 58.7% tái chế.
- Kiến thức của người dân về ảnh hưởng của chất thải tới sức khỏe: 51.4% người dân cho là rác thải gây các bệnh về đường tiêu hoá; 30.0% gây các bệnh về đường hô hấp; 15.6% gây các bệnh về da và 2,9% không ảnh hưởng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đặng Thành Mai (2016), Đánh giá hiện trạng công tác thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt và đề xuất giải pháp trên địa bàn thành phố Bảo Lộc, Báo cáo tổng kết đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên, Trường Đại học Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh.
- [2] Phạm Thị Thanh Bình, Mai Thành Luân, và Nguyễn Thị Vân (2022). Đánh giá thực trạng và đề xuất mô hình phân loại, xử lý rác thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình tại huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá. Tạp Chí Khoa Học Trường Đại Học Hồng Đức, Số 62 (12-2022), 7-16.
- [3] Zhang Z., Malik M.Z., Khan A. và cộng sự. (2022). Environmental impacts of hazardous waste, and management strategies to reconcile circular economy and eco-sustainability. Sci Total Environ, 807(Pt 2), 150856.
- [4] Vương Thị Lan Anh và Đỗ Mạnh Hùng (2020). Nghiên cứu đề xuất giải pháp tổng thể phân loại, thu gom rác thải tại nguồn cho các đô thị Việt Nam, triển khai thí điểm cho huyện Đông Anh, Hà Nội. Tạp Chí Khoa Học Công Nghệ, Tập 58 số 1, 117-125.
- [5] Kamaruddin M.A., Yusoff M.S., Rui L.M. và cộng sự. (2017). An overview of municipal solid waste management and landfill leachate treatment: Malaysia and Asian perspectives. Environ Sci Pollut Res Int, 24(35), 26988-27020.
- [6] ang D., Shi L., Huang X. và cộng sự. (2022). Influencing Factors on the Household-Waste-Classification Behavior of Urban Residents: A Case Study in Shanghai. Int J Environ Res Public Health, 19(11), 6528.